

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ LONG MỸ
TỈNH HẬU GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 108/2020/DS-ST

Ngày: 20 - 8 - 2020

V/v tranh chấp hợp đồng dân sự - hui.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ LONG MỸ
TỈNH HẬU GIANG

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Lắm.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Lê Minh Hồng.

Bà Hồ Thị U.

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Ngọc Nhiệm - Thư ký Tòa án nhân dân Thị xã Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Long Mỹ tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Mỹ Diện – Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 8 năm 2020 tại Tòa án nhân dân Thị xã Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 29/2020/TLST-DS, ngày 03 tháng 3 năm 2020 về việc tranh chấp hợp đồng dân sự - hui, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 109/2020/QĐXXST-DS, ngày 07 tháng 8 năm 2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Trần Văn T, sinh năm: 1978

Địa chỉ: Ấp 2, xã H, huyện M, tỉnh Hậu Giang. Có mặt.

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Hoàng Q.

Bà Lâm Thị C.

Cùng địa chỉ: Ấp 2, xã P, thị xã M, tỉnh Hậu Giang. Vắng mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Trần Thị Bé U, sinh năm: 1980.

- Trần Minh T1, sinh năm: 1974.

Cùng địa chỉ: Ấp 2, xã P, thị xã M, tỉnh Hậu Giang. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 12/02/2020 và tại phiên tòa nguyên đơn anh Trần Văn T trình bày: Vào năm 2013 anh có tham gia dây hụi 3.000.000 đồng do ông Q và bà C làm chủ cụ thể như sau:

- Dây hụi mở ngày 09/02/2013 âm lịch hụi 3.000.000 đồng/03tháng, gồm 29 phần, anh tham gia 02 phần, phần thứ 01 anh đóng được 25 lần nhưng không nhớ rõ số tiền cụ thể, đến lần thứ 26 nhằm ngày 09/5/2019 âm lịch anh hốt phần hụi thứ nhất được số tiền 75.000.000 đồng, phần thứ 02 anh đóng được 27 lần đến lần thứ 28 nhằm ngày 09/8/2019 âm lịch anh hốt phần thứ 02 được 75.000.000 đồng. Tổng cộng 02 lần hốt là 150.000.000 đồng, trừ tiền hoa hồng chủ hụi được hưởng là 5.000.000 đồng còn lại 145.000.000 đồng nhưng ông Q bà C chỉ trả anh được 03 lần với số tiền 11.000.000 đồng. Anh đã nhiều lần yêu cầu ông Q bà C trả số tiền còn nợ 134.000.000 đồng nhưng ông Q bà C vẫn không thực hiện. Tại phiên tòa anh yêu cầu bà C trả cho anh số tiền 134.000.000 đồng.

Đối với bị đơn ông Nguyễn Hoàng Q và bà Lâm Thị C đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do nên chưa có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của anh T.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 29/6/2020 chị Trần Thị Bé U trình bày: Chị là em ruột của anh Trần Văn T. Năm 2013 chị có chơi hụi dùm ông T do ông Q bà C làm chủ cụ thể như sau: Dây hụi ngày 09/02/2013 âm lịch hụi 3.000.000 đồng/03tháng, hụi có 29 phần, anh T tham gia 02 phần, 01 phần trong danh sách chơi hụi ghi là B T, 01 phần ghi tên chồng bà là B U T1, việc bà chơi hụi dùm ông T bà có nói rõ với ông Q, bà C và bà là người trực tiếp khai hụi, đóng hụi. Phần thứ 01 ông T đóng được 25 lần đến lần thứ 26 nhằm ngày 09/5/2019 âm lịch thì ông T hốt phần thứ 01 được số tiền 75.000.000 đồng, phần thứ 02 ông T đóng được 27 đến lần thứ 28 thì ông T hốt phần thứ 02 được 75.000.000 đồng. Tổng cộng 02 lần hốt là 150.000.000 đồng chưa trừ đầu thảo 3.000.000 đồng/02 phần. Tuy nhiên ông Q, bà C chỉ trả cho ông T được 11.000.000 đồng trong đó giao cho ông T 01 lần 1.000.000 đồng, gửi cho bà 02 lần, một lần 7.000.000 đồng và 01 lần 3.000.000 đồng. Số tiền còn lại 136.000.000 đồng ông Q bà C không làm biên nhận cho ông T mà làm chung biên nhận nợ với bà do bà cũng chơi hụi chung với ông T nhưng số tiền ông Q bà C ghi trong biên nhận cũng không đúng, cụ thể số

tiền ông Q bà C nợ bà là 293.000.000 nợ ông T là 136.000.000 tổng cộng là 429.000.000 đồng nhưng bà C chỉ viết 377.500.000 đồng, bà có kêu ông Q, bà C viết lại biên nhận thì ông Q bà C không đồng ý. Tại phiên tòa bà thống nhất số tiền ông Q, bà C nợ bà và ông T là 377.500.000 đồng, trong đó nợ bà là 243.500.000 đồng, nợ ông T là 134.000.000 đồng.

Tại văn bản ngày 23/6/2020 và tại phiên tòa người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Văn T1 trình bày: Ông là em rể anh T chồng chị Bé U, bà C bà con với ông kêu ông bằng bác. Đối với dây hui ngày 09/02/2013 âm lịch, hui 3.000.000 đồng/03tháng ông có tham gia 01 phần, trong danh sách hui ghi tên B U T1, anh T tham gia 02 phần 01 phần ông đứng tên dùm trong dây hui ghi tên B U T1, 01 phần do anh T đứng tên nhưng mọi giao dịch của việc chơi hui do vợ ông là Trần Thị Bé U thực hiện, do ông có bà con với bà C và ở gần nhà nên mới để tên ông trong danh sách chơi hui. Việc ông T kiện ông Q, bà C ông thống nhất không có yêu cầu gì.

Tại văn bản ngày 23/6/2020 người làm chứng bà Ngô Thị Hà trình bày: Bà không có bà con với anh T, chỉ bà con xa bên chồng bà với bà C. Dây hui ngày 09/02/2013, hui 3.000.000 đồng/03tháng có 29 phần do ông Q bà C làm chủ bà tham gia 01 phần, anh T tham gia 02 phần, 01 phần ghi tên anh T, 01 phần ghi tên là B U T1, anh T tham gia một thời gian thì hốt 02 phần được số tiền 150.000.000 đồng (chưa trừ đầu thảo), việc ông Q bà C có chung hui cho ông T chưa thì bà không biết. Bà xin vắng mặt trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án.

Tại văn bản ngày 09/6/2020 người làm chứng ông Ngô Thạch Dũng trình bày: Dây hui ngày 09/02/2013, hui 3.000.000 đồng/03tháng có 29 phần do ông Q bà C làm chủ ông tham gia 01 phần, anh T tham gia 01 phần. Ông biết ông Q bà C còn nợ tiền hui anh T nhưng nợ bao nhiêu thì ông không biết. Ông xin vắng mặt trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án.

Tại văn bản ngày 09/6/2020 người làm chứng bà Trần Thị Đẹp trình bày: Dây hui ngày 09/02/2013, hui 3.000.000 đồng/03tháng có 29 phần do ông Q bà C làm chủ bà tham gia 01 phần trong danh sách chơi hui ghi tên chồng bà là Tư Cu. Do ông Q, bà C không đưa danh sách chơi hui cho bà nên bà không biết có ai chơi hui, bà chỉ biết anh T khi anh T đến nhà kêu bà làm chứng, bà không biết ông Q, bà C có nợ tiền hui anh T hay không. Bà xin vắng mặt trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án, từ khi tòa án thụ lý vụ án đến nay Thẩm phán được phân công đã chấp hành đúng quy định tại Điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự như: Xác định mối quan hệ tranh chấp, tư cách pháp lý của những người tham gia tố tụng, gửi quyết định xét xử cho Viện kiểm sát nghiên cứu, cấp tổng đạt văn bản tố tụng cho những người tham gia tố tụng đúng theo quy định của pháp luật. Tại phiên tòa hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng theo thủ tục quy định về phiên tòa sơ thẩm. Đối với các đương sự: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay các đương sự đã thực hiện đúng các quy định tại các Điều 70,71,72 và Điều 73 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Long Mỹ đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục: Đối với bị đơn ông Nguyễn Hoàng Q, bà Lâm Thị C đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt ông Q bà C.

Đối với những người làm chứng Ngô Thị H, Ngô Thạch D, Trần Thị Đ có yêu cầu giải quyết vắng mặt, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 229 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt người làm chứng.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Đây là vụ án “Tranh chấp hợp đồng dân sự – hội” theo Điều 26, Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[3] Nội dung vụ án:

Anh Trần Văn T trình bày: Vào ngày 09/02/2013 âm lịch anh có tham gia đây hội 3.000.000 đồng/03 tháng do ông Nguyễn Hoàng Q và bà Lâm Thị C làm chủ, hội gồm 29 phần, anh tham gia 02 phần. Phần thứ 01 anh hót được 75.000.000 đồng, phần thứ 02 anh hót được 75.000.000 đồng, tổng cộng 150.000.000 đồng trừ hoa hồng 5.000.000 đồng còn lại 145.000.000 đồng nhưng ông Q bà C chỉ chung cho anh 11.000.000 đồng còn lại 134.000.000 đồng. Nay anh yêu cầu ông Q bà C trả cho anh số tiền hội còn nợ 134.000.000 đồng. Đối với bị đơn ông Nguyễn Hoàng Q bà Lâm Thị C đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không lý do nên chưa có ý kiến gì đối với yêu cầu của anh T. Việc tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp hợp đồng dân sự – hội thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[4] Qua thẩm vấn công khai tại phiên tòa anh Trần Văn T và chị Trần Thị Bé U xác định: Vào ngày 09/02/2013 âm lịch anh T có tham gia dây hụi 3.000.000 đồng/03tháng do ông Nguyễn Hoàng Q và bà Lâm Thị C làm chủ, hụi có 29 phần, anh T tham gia 02 phần, trong đó 01 phần ghi tên B U T1, 01 phần ghi tên B T trong sổ hụi, do chị Bé U là em ruột anh T và chơi dùm anh T nên việc khui hụi, đóng hụi chị Bé U trực tiếp giao dịch với bà C. Đối với phần hụi thứ 01 anh T đóng được tổng cộng 25 đến lần thứ 26 thì anh T hốt được số tiền 75.000.000 đồng nhưng ông Q, bà C chưa chung, phần hụi thứ 02 anh T đóng được 27 lần đến lần 28 thì anh T hốt được số tiền 75.000.000 đồng, tổng cộng 02 lần anh T hốt được 150.000.000 đồng, trừ tiền hoa hồng của chủ hụi 5.000.000 đồng còn lại 145.000.000 đồng nhưng ông Q, bà C chỉ trả cho anh T 03 lần tổng cộng 11.000.000 đồng cụ thể trả cho anh T 01 lần 1.000.000 đồng, trả cho chị Bé U 01 lần 3.000.000 đồng và 01 lần 7.000.000 đồng còn nợ lại 134.000.000 đồng. Sau khi mãn hụi thì bà C và chị Bé U tính toán lại thì tổng cộng số tiền hụi bà C nợ chị và anh T là 377.500.000 đồng do chị Bé U là em anh T và chơi hụi dùm anh T nên ghi chung biên nhận nợ.

[5] Theo chứng cứ tính tiền hụi ông T cung cấp (bU lục số 10) mặt trước ghi 03 chân hụi 3 triệu tổng cộng 37750000, mặt sau ghi nội dung tổng cộng thiếu tiền hụi của Bác U T1 là 377.500.000 đồng, tôi Lâm Thị C có hứa với vợ chồng Bác U T1 mỗi tháng trả 7.000.000 đồng đến chừng nào hết số tiền thì thôi, ngày viết biên nhận là ngày 18/3/2020 chỉ có bà C ký tên vào nội dung biên nhận. Đối với bị đơn bà Lâm Thị C đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để xác định anh T có chơi hụi, đóng hụi, hốt hụi với số tiền 150.000.000 đồng, đã trả được 11.000.000 đồng và còn nợ chị Bé U anh T số tiền 377.500.000 đồng trong đó phần của anh T là 134.000.000 đồng như anh T chị Bé U trình bày hay không và xác định chữ viết, chữ ký trong biên nhận có phải của bà hay không nhưng bà vắng mặt. Do đó Hội đồng xét xử căn cứ vào nội dung biên nhận ngày 18/3/2020 để làm căn cứ giải quyết vụ án. Tại biên bản lấy lời khai ngày 29/6/2020 chị Bé U trình bày ông Q bà C nợ chị 293.000.000 đồng, nợ anh T 136.000.000 đồng nhưng tại phiên tòa chị yêu cầu căn cứ vào biên nhận ngày 18/3/2020 xác định số tiền bà C nợ chị và anh T là 377.500.000 đồng, trong đó phần bà C nợ chị là 243.500.000 đồng, nợ anh T là 134.000.000 đồng, anh T đồng ý với lời trình bày của chị Chị Bé U, yêu cầu bà C trả cho anh số tiền 134.000.000 đồng. Đây là sự tự nguyện thỏa thuận giữa chị Bé U và anh T, số tiền bà C có nghĩa vụ trả cho chị Bé U và anh T đúng với số tiền ghi trong biên nhận ngày 18/3/2020 phần bà C nợ chị Bé U là 243.500.000 đồng, anh T là 134.000.000 đồng, tổng cộng 377.500.000 đồng.

Tuy nhiên chị Bé U khởi kiện ông Q bà C bằng vụ kiện khác và Tòa án đã thụ lý giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét yêu cầu của chị Bé U trong vụ kiện này.

[6] Do biên nhận ngày 18/3/2020 chỉ có bà C ký tên nên Hội đồng xét xử chỉ buộc bà C có nghĩa vụ trả cho anh T số tiền 134.000.000 đồng.

[7] Tại phiên tòa Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Về án phí: Đương sự phải chịu theo quy định của pháp luật.

[9] Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 3 Điều 26, Điều 35, 91, 147, 227, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ: Điều 357, 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Nghị định số 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 của Chính phủ quy định về họ, họ, họ, họ.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Trần Văn T. Buộc bị đơn bà Lâm Thị C có nghĩa vụ trả cho ông T số tiền 134.000.000 đồng (một trăm ba mươi bốn triệu đồng).

Kể từ ngày nguyên đơn Trần Văn T có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án. Lãi suất chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên, nhưng không được vượt quá mức lãi suất theo quy định tại khoản 1 Điều 468, nếu không thỏa thuận được thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

Về án phí dân sự: Bà Lâm Thị C phải chịu 6.700.000 đồng (*sáu triệu bảy trăm nghìn đồng*).

Anh Trần Văn T được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 3.350.000 đồng (*ba triệu ba trăm năm mươi nghìn đồng*) theo biên lai số 00000297 ngày 03/3/2020 của C cục Thi hành án dân sự thị xã Long Mỹ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn anh Trần Văn T, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Trần Thị Bé U, ông Trần Minh T1 có mặt được quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án 20/8/2020. Bị đơn bà Lâm Thị C, ông Nguyễn Hoàng Q vắng mặt được quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại địa phương nơi cư trú.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hậu Giang;
- Các đương sự;
- VKSND thị xã Long Mỹ;
- Cục THADS TX Long Mỹ;
- Lưu hồ sơ vụ án, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)
Trần Văn Lắm**